TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST.
Ngày 21-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Duân.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Vân Oanh – Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện A.
2. Ông Phan Thanh Long – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Văn Đ**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 11/3/2000 tại C; nơi cư trú: Thôn H, xã I, huyện A, tỉnh C; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Nông; con ông: Hà Văn M (sinh năm 1971) và bà: Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1972); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã I, huyện A, tỉnh C từ ngày 30/11/2023 cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

* <u>*Người bị hại*</u>:

1. Chị Lê Thị Mỹ D – Sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện A, tỉnh C (chết).

2. Anh Phạm Văn H – Sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện A, tỉnh C (chết).

* *Người đại diện hợp pháp của người bị hại chị Lê Thị Mỹ D*:

Anh Lê Văn B – Sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện A, tỉnh C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Phạm Văn H*:

Chị Nguyễn Thị D1 – Sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện A, tỉnh C (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Bùi Long T – Sinh năm: 1993; nơi thường trú: Thôn L, xã Z, huyện X, tỉnh C; nơi ở hiện tại: Thôn K, xã E, huyện A, tỉnh C (có mặt).

2. Anh Nguyễn Hữu T1 – Sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện A, tỉnh C (vắng mặt).

* *Người làm chứng*:

1. Anh Huỳnh Văn T2 – Sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn D1, xã E, huyện A, tỉnh C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Phan Văn T3 – Sinh năm: 1994; nơi thường trú: Thôn N, xã W, huyện X, tỉnh C; nơi ở hiện tại: Thôn K, xã E, huyện A, tỉnh C (vắng mặt).

3. Chị Dương Thị Bích P – Sinh năm: 1992; nơi thường trú: Thôn K1, xã W1, huyện E1, tỉnh C; nơi ở hiện tại: Thôn K, xã E, huyện A, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 25/8/2023, Phạm Văn H (sinh năm 2000, ở thôn F, xã G, huyện A, tỉnh C) điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển số 77E2-410.56, dung tích xi lanh 124,9cm^3 đến nhà Hà Văn Đ và tham gia cùng Đ với một số người khác uống hết khoảng 02 thùng bia Quy Nhơn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 77E2-410.56 chở Đ đến quán karaoke "Ý Tưởng" ở thôn Z1, xã H1, huyện A nhưng chạy vượt qua quán karaoke; H nói với Đ: "Tao mệt rồi, mày chở đi" thì Đ đồng ý và Đ điều khiển xe mô tô biển số 77E2-410.56 chở H quay lại quán karaoke "Ý Tưởng" nhưng vì quán đã đóng cửa nên Đ chở H về nhà. Đến khoảng 23 giờ 14 phút cùng ngày, Hà Văn Đ (có Giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 77E2-410.56 chở H chạy theo hướng Đông – Tây đi đến gần đoạn Km17+371 Quốc lộ 19B thuộc thôn D1, xã E, huyện A với tốc độ khoảng 50km/h, trên phần đường phía Bắc (bên phải theo chiều đi). Đây là

đoạn đường được trải nhựa bằng phẳng, trục đường theo hướng Đông – Tây và cong về phía Bắc, đường rộng 6,1m, ở giữa có vạch sơn màu vàng đứt quãng rộng 0,15m phân chia hai chiều đường xe chạy.

Khi đi đến đoạn đường cong về phía Bắc, Đ phát hiện ánh đèn xe mô tô Yamaha Exciter biển số 77K2-930.39 do Bùi Long T điều khiển theo hướng ngược lại chở sau chị Lê Thị Mỹ D với tốc độ 30km/h, bánh xe mô tô của T cách vạch sơn màu vàng đứt quãng giữa đường khoảng 0,85m. Lúc này, do thiếu chú ý quan sát đồng thời bị say mệt do uống nhiều bia trước đó nên khi đi qua đoạn đường cong Hà Văn Đ không làm chủ được tốc độ và tay lái để xe mô tô chạy thẳng sang phần đường phía Nam. Do ở khoảng cách gần và bất ngờ, Bùi Long T chỉ vừa đánh tay lái sang trái thì phần bên phải xe mô tô của Đ đã va chạm với phần bên phải xe mô tô của T làm xe T ngã xuống đường, còn xe mô tô của Đ ngã trượt về sát mép đường phía Nam xảy ra tai nạn.

Bùi Long T gọi điện báo tin cho bạn đang cùng đi phía trước là Dương Thị Bích P (sinh năm 1992) và Phan Văn T3 (sinh năm 1994) quay lại. Sau đó có Huỳnh Văn T2 (sinh năm 1997) là tài xế taxi đang trên đường chở khách về đến đoạn đường xảy ra tai nạn nên đã cùng T3 đưa D, H và Đ đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh C cấp cứu.

Về hậu quả vụ án: Sáng ngày 26/8/2023, anh Phạm Văn H chết; sáng ngày 27/8/2023, chị Lê Thị Mỹ D chết.

Theo Kết luận giám định tử thi số 286/KLGĐTT-PYBĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh C kết luận nguyên nhân chết của anh Phạm Văn H là do: Chấn thương sọ não vỡ sọ, chảy máu nội sọ chèn ép não + đa chấn thương điều trị không hồi phục.

Theo Kết luận giám định tử thi số 290/KLGĐTT-PYBĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh C kết luận nguyên nhân chết của chị Lê Thị Mỹ D là do: Suy hô hấp, suy tuần hoàn do chấn thương sọ não chảy máu nội sọ chèn ép não + chấn thương bụng vỡ tạng, điều trị không hồi phục.

Đối với Bùi Long T, do thương tích nhẹ nên không yêu cầu giám định.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Hà Văn Đ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh C lúc 0 giờ 30 phút ngày 26/8/2023 là 205,30mg/dL máu.

Bùi Long T đến Trung tâm y tế huyện A xét nghiệm nồng độ cồn và chất ma túy lúc 13 giờ 59 phút ngày 26/8/2023. Kết quả T âm tính với chất ma túy và có nồng độ cồn là 44mg/dL máu.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Phạm Văn H lúc 10 giờ 44 phút ngày 26/8/2023 là 77mg/dL máu và Lê Thị Mỹ D âm tính với nồng độ cồn.

Hiện trường vụ tai nạn có sơ đồ, bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ, bản ảnh, biên bản dựng lại và thực nghiệm hiện trường; biên bản và bản ảnh khám nghiệm các phương tiện kèm theo hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trích xuất sao lưu 04 đoạn video có liên quan đến vụ tai nạn vào 04 đĩa DVD, lưu trong hồ sơ vụ án.

Về phương tiện, tang vật liên quan: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu:

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hà Văn Đ;

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Long T;

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Văn H;

- 01 (một) xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 77E2-410.56;

- 01 (một) xe mô tô, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS xe mô tô biển số 77K2-930.39;

Về dân sự: Bị cáo Hà Văn Đ đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại Phạm Văn H với số tiền 59.000.000đ và gia đình người bị hại Lê Thị Mỹ D với số tiền 30.000.000đ. Anh Bùi Long T đã hỗ trợ gia đình người bị hại Phạm Văn H số tiền 13.000.000đ và gia đình người bị hại Lê Thị Mỹ D với số tiền 10.000.000đ. Đại diện gia đình những người bị hại có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà Văn Đ.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSPC, ngày 23/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Hà Văn Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hà Văn Đ về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn Đ phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hà Văn Đ với mức án từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Hà Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác như sơ đồ, bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ, bản ảnh, biên bản dựng lại và thực nghiệm hiện trường; biên bản và bản ảnh khám nghiệm các phương tiện; biên bản khám nghiệm tử thi có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông đường bộ trên là do Hà Văn Đ (có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 77E2-410.56 tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu 205,30mg/dL máu chở sau Phạm Văn H, khi đi qua đoạn đường cong về phía bên phải theo chiều đi đã thiếu chú ý quan sát nên không hạn chế tốc độ đến mức an toàn để xe mô tô chạy qua phần đường ngược chiều dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 77K2-930.39 do Bùi

Long T điều khiển chở sau Lê Thị Mỹ D hướng ngược lại gây tai nạn vào khoảng 23 giờ 14 phút ngày 25/8/2023 tại gần đoạn Km17+371 Quốc lộ 19B thuộc thôn D1, xã E, huyện A, tỉnh C. Hậu quả Phạm Văn H và Lê Thị Mỹ D chết.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh C truy tố bị cáo Hà Văn Đ về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*", thuộc trường hợp "Trong tình trạng sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác" và "Làm chết 02 người" theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Hà Văn Đ phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*", thuộc trường hợp "Trong tình trạng sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác" và "Làm chết 02 người", tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Hà Văn Đ đã vi phạm khoản 8, khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả hai người chết và gây mất trật tự an toàn giao thông công cộng ở địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Hà Văn Đ phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, từ trước đến nay không có vi phạm gì, đây là lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình các bị hại. Do đó, Hội đồng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, đại diện gia đình các bị hại cũng đã có đơn bãi nại, đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình đối với bị cáo.

Bùi Long T có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển chở Lê Thị Mỹ D đi đúng phần đường và tốc độ cho phép. Mặc dù T điều khiển phương tiện có nồng độ cồn trong máu nhưng không phải là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông trên mà chỉ là vi phạm hành chính. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021), Công an huyện A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 11 tháng đối với Bùi Long T.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hà Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng cơ bản phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b, đ khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Văn Đ phạm tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ **30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo Hà Văn Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Phạm Văn H là chị Nguyễn Thị D1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người đại diện hợp pháp của người bị hại chị Lê Thị Mỹ D là anh Lê Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T1 vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh C;
- TAND tỉnh C;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Đội Tham mưu – Tổng hợp Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh R